

Bản án số: 997/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 01/8/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Phước Trinh

2- Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:
Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 01 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 285/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 281/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 203/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lương Thị N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Nhà không số, đường X, ấp T, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Minh C, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số A, đường E, tổ F, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 20/02/2023, nguyên đơn bà Lương Thị N trình bày:

Bà với ông Phạm Minh C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 14/3/2011. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, liên tục cãi nhau. Bà xác định tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

- Về con chung có một trẻ tên là **Phạm Yến V**, sinh ngày 10/02/2011, bà yêu cầu được nuôi trẻ **V**, bà không yêu cầu ông **C** cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Tại biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 18/5/2023 và ngày 12/6/2023, bà **N** thay đổi ý kiến về con chung, bà yêu cầu ông **C** trực tiếp nuôi trẻ **V**, bà không cấp dưỡng cho con.

Do ông **C** đã được tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo phiên họp đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, bà **N** vẫn giữ yêu cầu như đơn khởi kiện, về con chung bà **N** yêu cầu ông **C** trực tiếp nuôi trẻ **V**, bà không cấp dưỡng cho con.

Ông **C** vắng mặt nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Bị đơn ông **Phạm Minh C** đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **C**.

* Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Lương Thị N** với ông **Phạm Minh C** tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã **C**, huyện **C**, tỉnh **Nghệ An** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 14/3/2011 nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu của bà **Lương Thị N** xin ly hôn ông **Phạm Minh C**:

Ông **C** không quan tâm, thương yêu bà **N**, ông **C** đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến thể hiện ông **C** không có thiện chí hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà **N**, cho bà **N** được ly hôn ông **C**.

[5] Về con chung có một trẻ tên **Phạm Yến V**, sinh ngày 10/02/2011.

Xét bà **N** yêu cầu ông **C** trực tiếp nuôi trẻ **V** là phù hợp nguyện vọng của trẻ **V** tại bản tự khai ngày 29/5/2023, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà **N**.

Xét bà **N** không cấp dưỡng cho con, ông **C** vắng mặt nên không có ý kiến, Hội đồng xét xử chấp nhận. Khi nào ông **C** có yêu cầu bà **N** cấp dưỡng cho con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung, bà **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Về nghĩa vụ dân sự chung, bà **N** xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử buộc bà **N** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà **Lương Thị N**.

1. Về hôn nhân: Bà **Lương Thị N** được ly hôn ông **Phạm Minh C**.

2. Về con chung có 01 trẻ tên **Phạm Yên V**, sinh ngày 10/02/2011.

Ông **Phạm Minh C** được trực tiếp nuôi trẻ **Phạm Yên V**. Bà **Lương Thị N** không cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà **Lương Thị N** phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2021/0043179 ngày 11/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà **N** đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh (01)
- VKSND huyện Củ Chi (02)
- Chi cục THADS huyện Củ Chi (01)
- UBND xã Chi Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An (01)
- Các đương sự (02)
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án (02)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Thẩm

